TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản số: 07/2025/HNGĐ - ST Ngày: 20/01/2025 " *V/v: Ly hôn*"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Đức Tươi và bà Nguyễn Thị Nhung
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Đức Chính - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên*:** Bà Hoàng Thị Lệ Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 605/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trịnh Xuân V, sinh năm 1959(*Có mặt*)
HKTT: Tổ 09, phường Quang Trung, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- **Bị đơn**: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1972(*Vắng mặt*)
HKTT: Tổ 09, phường Quang Trung, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trịnh Xuân V trình bày: Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị D năm 2009, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường Quang Trung, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống có 01 con chung Trịnh Xuân Tâm, sinh ngày 12/12/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do có rất nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên vợ chồng ông thường xuyên xảy ra cãi cọ lẫn nhau, dẫn đến có nhiều áp lực trong cuộc sống. Bà D không quan tâm chăm sóc gì đến gia đình, chồng con, đi làm ăn xa thỉnh thoảng về thăm con rồi lại đi, dẫn đến vợ chồng dần xa cách không còn tình cảm Ông và bà D đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay và không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay ông xác định không còn tình cảm gì với bà D, nên đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn.

- Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi con chung Trịnh Xuân Tâm, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

- Về Tài sản chung, nợ chung: Ông xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập bà D đến Tòa án để tống đạt các văn bản tố tụng, yêu cầu viết bản tự khai nhưng bà D không đến và không chấp hành. Tòa án tiếp tục gửi thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khi chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên bà D không ký nhận vào các biên bản giao nhận văn bản tố tụng do đi làm ăn thỉnh thoảng mới về, không có mặt tại nhà. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng qua Tổ trưởng nơi cư trú, bà D vẫn không đến để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, do vậy Toà án đã tiến hành lập biên bản làm việc về sự việc như trên, tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng để bảo đảm được quyền và nghĩa vụ của bà D khi tham gia tố tụng và để có căn cứ giải quyết vụ án. Tuy nhiên bà D vẫn vắng mặt. Do các đương sự đã không cùng nhau hòa giải và thỏa thuận được các nội dung để giải quyết vụ án. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà D. Về con chung ông yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Tại phiên tòa bị đơn bà D vắng mặt, nên không có ý kiến của bà D. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà D theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt và đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai, nên căn cứ, khoản 2 Điều 227, xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Trịnh Xuân V được ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

Về con chung: Giao con chung Trịnh Xuân Tâm, sinh ngày 12/12/2009 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do ông V không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết trong vụ án này do bà D không yêu cầu.

Về án phí: Ông V được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật do là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa cho bà D

theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà D đã được thông báo và được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án tuy nhiên bà D không đến Toà án để giải quyết ly hôn với ông V, nên Tòa án không tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự tại Tòa án được. Tòa án đã lập biên bản làm việc, biên bản xác minh nơi cư trú và nơi ở của bà D, tống đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng cho bà D, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa do bà D vắng mặt lần thứ nhất tại phiên toà, tuy nhiên bà D vẫn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bà D.

[2]. Về nội dung: Ông Trịnh Xuân V và bà Nguyễn Thị D kết hôn năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên được pháp luật thừa nhận là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn theo ôgn V trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không cảm thông chia sẻ được với nhau trong cuộc sống, bà D thường xuyên đi làm ăn xa thi thoảng mới về nhà sau đó lại đi, nên không quan tâm gì đến chồng con và gia đình. Do đó vợ chồng ông đã dần dần không còn tình cảm, đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Ông V vẫn giữ nguyên quan điểm, dứt khoát yêu cầu được ly hôn với bà D, xác định không còn tình cảm gì với bà D. Hội đồng xét xử thấy: Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, nay ông V vẫn kiên quyết xin ly hôn với bà D, do đó mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, có duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V, cho ông V được ly hôn với bà D là phù hợp với thực tế và Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình.

[3]**.** Về con chung: Ông V xác định hiện tại con chung đang ở cùng ông từ nhỏ đến nay, bà D thường xuyên đi làm ăn xa nên không có điều kiện chăm sóc con, do vậy ông yêu cầu được nuôi con chung Trịnh Xuân Tâm, sinh ngày 12/12/2009. Do bà D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần những vẫn vắng mặt tại Toà án và tại phiên toà, nên không có ý kiến của bà D về nội dung này. Nay ông V tha thiết được nuôi con chung, cháu Trịnh Xuân Tâm cũng có nguyên vọng xin được ở với bố, do vậy yêu cầu của ông V tại phiên toà hôm nay là phù hợp, cần chấp nhận yêu cầu của ông V, giao con chung Trịnh Xuân Tâm, sinh ngày 12/12/2009 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con ông V không yêu cầu bà D cấp dưỡng nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông V xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, bà D quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt nên không có ý kiến trình bày đề nghị gì. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết về tài sản chung trong vụ án này. Khi các đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung thì khởi kiện bằng vụ án khác kèm theo các tài liệu chứng cứ để chứng minh.

[6]. Về án phí**:** Ông V được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật do thuộc trường hợp là người cao tuổi.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm đ, khoản 1 Điều 12, Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử*:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân V về việc Ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân**:** Cho ông Trịnh Xuân D được ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

2. Về con chung: Giao con chung Trịnh Xuân Tâm, sinh ngày 12/12/2009 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

5. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông V do thuộc trường hợp người cao tuổi.

6. Về quyền kháng cáo**:** Ông V có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnhTN;
- Đương sự;
- UBND phường(xã);
- Lưu HS, BP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán, chủ toạ phiên toà:*Bà Nguyễn Thị Thu Hà

* *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Xuân Viện

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Vào hồi 09 giờ, ngày 07/5/2019 tại Phòng nghị án, HĐXX sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án HNGĐ thụ lý số 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc "ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hà, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Tổ 14, phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh D Anh Dũng, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Tổ 14, phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng: Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2. Tuyên xử:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Hà, cho chị Hà được ly hôn với anh D Anh Dũng.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.2. Về con chung: Giao cả hai con chung là D Đức Anh, sinh ngày 28/9/2009 và D Khánh Ly, sinh ngày 04/5/2014, cho chị Hà trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Dũng được quyền đi lại thăm nom con chung.

*** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Tòa án không giải quyết vì chị Hà không yêu cầu.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.4. Án phí: Chị Hà phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007208 ngày 07/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Chị Hà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Dũng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.